

**DANH SÁCH HOÀN TIỀN CTKM TẠI HỆ THỐNG SIÊU THỊ CO.OPMART,
CO.OPXTRA ĐỢT 2 TỪ 10/08-20/10/2019**

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
1	DINH VAN ANH	4271XXXX8106	128,579
2	VU NGOC PHU	5305XXXX7103	125,500
3	TRAN TRUONG SON	4111XXXX5116	100,000
4	LE NGOC HUNG	4111XXXX4105	53,302
5	LE QUAN	4111XXXX3103	56,328
6	NGUYEN THI HIEN	4111XXXX5103	89,213
7	PHAM TUAN QUANG	4286XXXX7103	55,775
8	NGUYEN HUU BAC	4111XXXX3107	61,853
9	DINH THI PHUONG LAN	4286XXXX8101	50,008
10	DUONG THIEN HANH	4111XXXX0102	100,000
11	NGUYEN THI KIM DUNG	4111XXXX9100	79,509
12	TRAN HOAI NAM	5305XXXX9100	129,287
13	TA HOAI NAM	4271XXXX8103	108,907
14	LE THI PHUC	4111XXXX3110	79,950
15	TRUONG BACH HONG	4286XXXX4106	198,919
16	HO THI THANH HUYEN	4111XXXX3104	107,959
17	NGUYEN KIM DUNG	4271XXXX5103	127,635
18	NGUYEN THI THANH NHAN	5305XXXX9104	108,022
19	TRAN ANH DAO	4111XXXX6104	50,732
20	DO HUU PHUC	4286XXXX7100	55,398
21	HOANG THI TRAN THUY	4111XXXX8106	100,000
22	LE THI NGUYET HA	4111XXXX5215	223,704
23	TRAN QUOC BAO	4271XXXX8103	139,557
24	PHUNG THI THANH TUYEN	4111XXXX7101	105,555
25	NGUYEN THI HONG VAN	4286XXXX0112	476,790
26	NGUYEN THI BINH DUONG	4286XXXX9105	77,275
27	MAI THI DUOC	4111XXXX7117	85,775
28	DO THI THUY HUONG	4286XXXX5103	121,868
29	TRAN THUY VAN	4111XXXX9102	95,495
30	VUONG QUOC THAI	4111XXXX9101	59,483
31	LE THI TUONG VY	4271XXXX7105	109,826
32	HUYNH BACH TUYET	4286XXXX4114	65,523
33	NGUYEN THI TUAN TAM	4111XXXX2112	72,360
34	NGUYEN VAN DOANH	4286XXXX0115	56,965
35	TRAN THI YEN	4286XXXX0100	100,000
36	HUYNH THI KIEU OANH	4111XXXX8111	80,393
37	NGUYEN T BACH TUYET	4286XXXX9101	162,406
38	BUI THI THUAN YEN	4286XXXX6103	486,238
39	LUU THI HOA	4111XXXX4109	81,000
40	VU THI MINH NGHIA	4271XXXX4106	109,670

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
41	TRAN THI MAI LIEN	4111XXXX1103	395,432
42	THAI THI XUAN THAO	4111XXXX3110	100,000
43	CHAU NGOC MINH	5305XXXX3100	200,000
44	DAU THI NGOC THUY	4286XXXX5117	64,230
45	CAP LE MINH NIEN	4111XXXX1108	100,000
46	CHIEM HUONG LOI	5305XXXX8115	384,900
47	LE THI THU HUONG	4111XXXX0102	100,000
48	TA HONG TRINH	4271XXXX5101	140,180
49	PHAM THI BICH	4271XXXX7114	200,000
50	NGUYEN T PHUONG OANH	4111XXXX9108	70,685
51	LE THI NGHIA	4111XXXX7105	75,880
52	PHAM THI LAN ANH	4111XXXX0109	100,000
53	TRAN THI THU HIEN	4111XXXX4105	63,209
54	H N KY THUAT	4111XXXX6107	80,020
55	DUONG THI CAM TU	4271XXXX8104	159,280
56	NGUYEN HOAI VIET	4111XXXX4105	61,456
57	NGUYEN HUNG VUONG	4271XXXX2104	196,366
58	PHAM THE THANH	4286XXXX3117	60,748
59	NGUYEN HONG VIET	4286XXXX5112	51,999
60	LE HONG THUY	4111XXXX9109	103,834
61	HOANG NGUYEN VU	4286XXXX2107	268,761
62	LE THANH THUY	4286XXXX2103	84,170
63	DOAN THI HONG VAN	4271XXXX2105	148,179
64	LUU THUY HAI	4111XXXX5111	77,882
65	TRAN THI QUYEN	4111XXXX8101	94,378
66	NGUYEN VAN SON	5305XXXX6103	137,320
67	HUYNH THI NGOC NI	4286XXXX4115	80,250
68	LE TRAN VAN ANH	4286XXXX1100	204,109
69	TRAN THI PHUONG THAO	4286XXXX9101	79,228
70	NGUYEN TRAN VIET HUNG	4111XXXX4200	121,035
71	NGUYEN THI HONG THU	4111XXXX9102	100,000
72	PHAM THI HAI QUYEN	4111XXXX0100	60,830
73	CAO DUC TINH	4111XXXX5107	300,000
74	LE PHUONG THAO	4111XXXX3100	69,650
75	TRAN THI THANH VAN	4111XXXX2102	62,216
76	NGUYEN THI LUYEN	4286XXXX4108	51,610
77	NGUYEN THI LE NA	4286XXXX2109	64,372
78	DANG BICH THUY	4286XXXX7113	270,903
79	NGUYEN BA NHIEU	4111XXXX8102	52,492
80	TRUONG HAI THANH	4111XXXX7105	80,657
81	LE THUY HIEN DUONG	4286XXXX3100	63,190
82	NGUYEN THANH CHUC	4111XXXX3103	95,295
83	TRAO AN QUI	4111XXXX2103	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
84	LY TRONG HUY	4286XXXX6109	55,212
85	NGUYEN THI LE TU	4286XXXX3105	71,278
86	NGUYEN HOANG NHAT AI	4286XXXX8109	265,855
87	TRAN THI THUY TRANG	4286XXXX9106	67,369
88	NGUYEN DUC PHAT	4286XXXX4108	54,810
89	DO THI THU HA	4286XXXX9102	94,440
90	LE HOANG LINH	4286XXXX4102	51,570
91	PHAM NU DANG KHOA	4286XXXX7118	172,208
92	NGUYEN THI MY DUNG	4286XXXX5104	55,276
93	TRAN NGUYEN KIM DINH	4286XXXX0100	100,000
94	PHAM NU VIET KHOA	4286XXXX8116	66,262
95	DAO THI HUONG MY	4286XXXX2100	66,693
96	TRAN CONG MINH	4271XXXX6107	138,438
97	TRINH PHUONG THAO	4271XXXX4114	147,020
98	TA THI THU THO	4286XXXX4118	52,475
99	DINH THI QUYNH TRANG	4286XXXX7105	100,000
100	VO THI HONG NHUNG	4286XXXX3109	117,903
101	PHAM THI LAN HUONG	4111XXXX5109	51,412
102	NGUYEN QUANG KHANH	4111XXXX6109	74,715
103	LUONG THI THUY DUONG	4286XXXX7107	50,725
104	NGUYEN THI KIM THUY	4111XXXX9100	64,716
105	LE THI LO	4286XXXX8102	52,208
106	LUONG TRINH MINH NGOC	4111XXXX3117	100,000
107	PHAM THI THANH THAO	4111XXXX6102	281,409
108	DUONG NGUYEN CHI HUNG	4286XXXX4107	235,008
109	LE ANH VU	4111XXXX0108	61,154
110	LE THI MY NHU	4111XXXX8108	56,305
111	NGUYEN THI THU THUY	4111XXXX7106	82,858
112	PHAM SUONG THAO	4286XXXX0100	74,811
113	PHAM LE MAI	4111XXXX2109	77,985
114	AN PHUONG HUE	4111XXXX2105	58,395
115	HONG NGOC YEN	4111XXXX8107	61,306
116	TO BICH PHUONG	4111XXXX9109	100,000
117	NGUYEN THANG	4286XXXX4102	55,493
118	NGO THI BICH NGUYET	4286XXXX9108	93,905
119	NGUYEN THI THU TAM	4111XXXX5104	50,682
120	PHAM THI HONG LOI	4286XXXX7104	63,729
121	TRAN THI XUAN THUY	4111XXXX2103	50,410
122	TRAN LE QUOC TRUNG	4286XXXX9105	93,158
123	NGUYEN THI THUY LINH	4286XXXX3102	58,825
124	PHAN THI HOANG OANH	4286XXXX9107	68,501
125	VU THI TO NGA	4111XXXX5110	100,000
126	NGUYEN T P THAO MAY	4111XXXX4105	62,371

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
127	HOANG VAN DONG BANG	4111XXXX5109	100,000
128	NGUYEN THI NHU QUYNH	4271XXXX8100	101,458
129	NGUYEN TAT DAT	4111XXXX8103	175,986
130	LE THI THANH BINH	4111XXXX4204	59,028
131	LAM QUANG VY	4111XXXX0100	88,615
132	HOANG TUAN HUNG	4111XXXX8115	134,867
133	TRUONG QUANG LUAT	4111XXXX3111	75,000
134	NGUYEN THI HONG KHANH	4111XXXX7118	139,631
135	TRAN THANH LAM	4111XXXX9104	53,056
136	DINH TAN SON	4286XXXX3128	57,645
137	NGUYEN TRAN THO	4111XXXX3107	100,000
138	PHAM THI LE QUYEN	4286XXXX0112	447,554
139	TRAN HOAN QUANG	4271XXXX3102	200,871
140	LE THI PHUONG THAO	5151XXXX6101	51,438
141	PHAM THI HOANG DUC	4111XXXX3123	52,741
142	NGUYEN THI THU HUONG	4286XXXX1109	100,000
143	NGUYEN THI NGOC DUNG	4286XXXX7100	153,185
144	HO THI XUAN LIEN	4286XXXX5104	200,000
145	TRAN QUYNH LOAN	4286XXXX5103	89,896
146	PHAM THI THU HONG	4111XXXX7102	100,000
147	NGUYEN THI DINH	4111XXXX5114	62,035
148	HUYNH HANH HAN	4111XXXX1114	56,170
149	CHE HOANG LE PHUONG	4111XXXX8105	52,245
150	LE HUYNH XUAN THAO	4111XXXX5105	100,000
151	HUYNH THI KIM LIEN	4111XXXX8108	100,000
152	DANG HO VAN	4286XXXX9106	57,409
153	PHAM VAN PHUOC	4111XXXX5101	83,901
154	HO NHUT LINH	4271XXXX4100	150,760
155	DO THI NGOC MY	4111XXXX1106	57,465
156	PHAM THI PHUONG HONG	4286XXXX3103	70,749
157	NGUYEN TRUC PHUONG	5305XXXX6205	200,000
158	NGUYEN HUU THANH	4286XXXX1101	118,777
159	TRIEU HONG PHUONG	4111XXXX4100	139,150
160	DANG HA NGOC DIEP	4286XXXX9101	89,796
161	LE NGUYEN HIEU THAO	4111XXXX8101	58,214
162	MAI THI LAN PHUONG	4286XXXX6101	61,492
163	LE THI MONG NGHI	5151XXXX3110	100,000
164	HOANG NHU NGHIA	4286XXXX1104	55,117
165	NGUYEN NHAT HUNG	4111XXXX4105	100,000
166	TRAN THI THANH NHA	4111XXXX4102	55,443
167	LE THI ANH DAO	4286XXXX5100	79,279
168	PHAM THI NHU Y	4286XXXX8106	76,385
169	THAI THI THUY LIEU	4286XXXX6104	54,293

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
170	NGUYEN TRONG THANH	4111XXXX4119	100,000
171	NGUYENTHIXUANPHUONG	4286XXXX4106	50,698
172	NGUYEN THANH LOAN	4286XXXX5101	56,280
173	KIM THI HANH	4111XXXX6101	134,740
174	BUI QUANG HIEU	4111XXXX0203	58,400
175	BUI THI BAO NGOC	5305XXXX4100	135,446
176	LE THONG NHAT	4111XXXX3208	64,597
177	CHAU NGOC NHU MAI	4111XXXX7108	70,821
178	NGUYEN THI NGAT	4111XXXX8106	500,000
179	DOAN KIM BINH	4111XXXX8102	56,746
180	NGUYEN THI TUYET LOAN	4111XXXX7106	72,079
181	BUI THANH CHUONG	4286XXXX1113	280,708
182	TRAN THI HOANG CHAU	4111XXXX4110	59,145
183	NGUYEN DINH SON	4286XXXX3102	66,250
184	HO THI BACH TUYET	4111XXXX4107	83,838
185	NGUYEN THI KIM NGAN	4286XXXX0106	198,514
186	BUI VAN BINH	4111XXXX3109	100,000
187	PHAM THI MY HANG	4271XXXX9104	500,000
188	NGUYEN THI BICH NGOC	4286XXXX3109	80,882
189	NGUYEN THI THU TRANG	4286XXXX1100	58,403
190	PHAM NGOC LAM	4111XXXX0100	100,000
191	NGUYEN VIET NGA	4286XXXX2106	156,638
192	NGUYEN THI THUY HOA	4111XXXX8102	58,605
193	CAO HONG PHUC	4111XXXX6118	54,046
194	TRAN THI THU HANG	4111XXXX8107	81,647
195	DAO THUY MI	4111XXXX7102	100,000
196	NGUYENTHI PHUONG THAO	4111XXXX7109	100,000
197	LE THI CAM VUI	4111XXXX0108	218,518
198	NGUYEN MAI LAN	4111XXXX5104	122,220
199	LE THI LINH	4286XXXX5102	113,300
200	TRINH VAN GIANG	5305XXXX0101	125,127
201	LE THI DA THAO	4286XXXX4114	65,899
202	TRUONG TAM	4286XXXX4102	74,868
203	PHAM QUOC DUNG	4286XXXX5101	89,426
204	PHAM THI THUY DUNG	4111XXXX0102	54,678
205	TRAN MAN HA	4111XXXX9106	100,000
206	NGO THI THUY HUONG	4111XXXX7105	58,592
207	LE THANH BINH	4111XXXX6113	100,000
208	DO TRUNG HUNG	4286XXXX1103	53,361
209	NGUYEN THI HONG NHUNG	4286XXXX6111	60,700
210	NGUYEN GIA PHUC	4286XXXX8105	77,894
211	NGUYEN THI MINH HANG	4286XXXX5112	127,789
212	TRAN THU BANG	4111XXXX7104	59,495

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
213	NGO MA QUOC CHUONG	4111XXXX6105	58,951
214	NGUYEN T GIANG CHAU	4286XXXX7116	61,978
215	NGUYEN THI ANH THU	4286XXXX7101	66,613
216	VO ANH TIEN	4111XXXX8116	84,230
217	LUU THI MINH THANH	4286XXXX2106	166,658
218	NGUYEN DINH SON	4111XXXX2101	74,003
219	HOANG THI NGOC HANH	4271XXXX9105	400,000
220	NGUYEN THI LAN	4286XXXX4109	50,659
221	PHAN LE BAO TRAN	4286XXXX0101	152,155
222	NGUYEN CANH HIEP	4286XXXX0112	69,669
223	NGUYEN BUI ANH VU	4286XXXX1108	51,243
224	TRAN LIEN THANH	4111XXXX5116	140,156
225	LE THI THUAN	4286XXXX5103	133,677
226	LE VAN CUONG	4111XXXX8107	100,000
227	NGUYEN THI KIM THUONG	4111XXXX6100	307,633
228	TRAN THI HUYEN	4111XXXX1109	79,520
229	TRAN THI MY LINH	4286XXXX8106	71,285
230	HOANG DUC MINH	4111XXXX1104	93,661
231	TRUONGVUONG DUY THONG	4111XXXX9131	131,050
232	DO TRAN MY DUNG	4286XXXX8104	185,319
233	LE QUANG HIEU	4286XXXX9100	67,103
234	LUONG THUY TIEN	4286XXXX7205	100,000
235	LE THI VINH LINH	4286XXXX3120	500,000
236	LUONG THI KIM HAU	4286XXXX7106	162,902
237	DANG THI NGOC HAO	4271XXXX1115	165,206
238	NGUYEN THI THUY DUNG	4286XXXX5101	80,301
239	DAO TRUNG NGUYEN	4111XXXX8104	52,110
240	PHAM NHA UYEN	4286XXXX9108	52,857
241	TRAN DINH VIET	4111XXXX9107	162,243
242	NGUYEN M HUYEN TRANG	4111XXXX5105	100,000
243	NGUYEN THAC HAI	4286XXXX4101	93,039
244	NGUYEN THANH CHUONG	4286XXXX5102	100,000
245	DOAN THI BICH THUY	4286XXXX4104	59,790
246	NGUYEN THI MY DUNG	4111XXXX0107	50,370
247	NGO LE DUY	4271XXXX4200	180,204
248	NGUYEN DAO KIM ANH	4286XXXX5115	52,810
249	NGUYEN THI KIM NGAN	4286XXXX6109	79,425
250	NGUYEN TUAN NGUYEN	4111XXXX1117	100,000
251	DANG THI BICH LAN	4271XXXX4103	369,848
252	NGUYEN HUU DUC	4286XXXX8104	93,740
253	NGUYEN VAN DUNG	4111XXXX4108	53,745
254	VO HUONG GIANG	4286XXXX9105	56,333
255	NGUYEN LE THANH HANG	4111XXXX6108	66,815

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
256	TRUONG THI KIM NGAN	4111XXXX1109	70,543
257	DOAN VAN XINH	4111XXXX3105	51,535
258	PHUNG THI DONG THI	4111XXXX9102	95,105
259	DUONG QUOC DAT	4286XXXX2100	83,944
260	TRAN THI HONG MINH	4111XXXX1105	77,089
261	HUYNH THI TIEN	5305XXXX0103	428,161
262	NGO THI LE CHI	4286XXXX2102	80,695
263	LE TAN TUAN	4286XXXX4105	70,125
264	NGUYEN THI YEN	4286XXXX6105	122,745
265	NGUYEN THI PHUOC	4111XXXX9106	52,829
266	NGUYEN THI TUNG	4111XXXX4103	50,476
267	NGO THI KIEU HANH	4286XXXX0105	90,415
268	HO TU TRAN	4111XXXX5102	113,789
269	NGUYEN VAN NEN	5305XXXX5109	500,000
270	TRAN TRUONG SON	4111XXXX5116	50,718
271	NGUYEN THITHUY HOANG	4286XXXX0106	60,205
272	NGUYEN HUY ANH THU	4111XXXX7101	100,000
273	HO THI THUY TRANG	4111XXXX5104	51,354
274	DINH HOANG MY	4111XXXX9104	90,490
275	NGUYEN THI MY NHUNG	4286XXXX2108	100,000
276	NGUYEN THI LAN HUONG	4111XXXX8107	57,076
277	DUONG THI THANH VAN	4286XXXX2103	66,330
278	NGUYEN THI THUY LANH	4286XXXX6103	81,895
279	PHAM THI HONG LAM	4286XXXX8103	100,000
280	BUI THI NGA	4286XXXX4115	96,947
281	HUYNH THI CAO KHUONG	4286XXXX1105	71,500
282	NGUYEN THI THU HA	4271XXXX6105	125,092
283	DUONG THUONG LIEN	4286XXXX6110	142,259
284	TRAN MINH TRI	4111XXXX4108	63,260
285	PHAM THI HA THANH	4286XXXX5104	73,842
286	NGUYEN TAN DAM	4111XXXX3107	191,780
287	PHAM TRAN KHANH LINH	4286XXXX6102	58,845
288	NGUYEN THI TRANG	4111XXXX2109	100,000
289	BIEN THI MINH THAO	5151XXXX9100	55,979
290	TRAN VAN PHONG	4286XXXX6108	100,000
291	LE THI THU VINH	4111XXXX3103	100,000
292	NGUYEN THI KIM TUYEN	5151XXXX2103	50,095
293	TRUONG THI PHUONG MAI	4286XXXX7108	54,540
294	VU VAN HIEU	4286XXXX4102	100,000
295	TRAN THI HUE	4286XXXX8103	310,099
296	NGUYEN HONG NHUNG	4286XXXX7103	100,000
297	LUONG NU THANH TAM	4286XXXX0129	180,524
298	LUU VIET	4111XXXX3107	55,728

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
299	NGUYEN THI HAI PHUONG	4111XXXX4204	149,188
300	DANG THI THUY	4111XXXX3102	154,056
301	THAI TANG QUOC	4286XXXX7103	50,703
302	BUI SY NAM	5305XXXX1101	194,384
303	LE THI TUYET NHUNG	4286XXXX2111	209,007
304	BUI THI THU HUONG	4286XXXX6100	76,525
305	PHAM THI PHUONG LAM	4111XXXX7203	67,322
306	NGUYEN THI HA	4111XXXX3103	67,505
307	BUI NGOC PHUONG UYEN	4286XXXX1116	121,229
308	TRINH TRUNG NGHIA	4111XXXX7105	111,547
309	PHAN THI XUAN	4286XXXX1101	51,510
310	LE MANH HUNG	4286XXXX0102	50,041
311	NGUYEN THAI DUONG	4286XXXX1102	53,892
312	LE KE TICH	4286XXXX1101	57,365
313	PHAM VAN DUC	4111XXXX8103	83,265
314	NGUYEN THI KIM PHUNG	4286XXXX7109	61,475
315	NGUYEN THI DO QUYEN	4111XXXX2106	69,174
316	NGUYEN TAN LUC	4111XXXX8100	136,160
317	LE THI CUONG	4271XXXX3101	455,617
318	HOANG BACH DUONG	4111XXXX6121	71,870
319	NGUYEN DUC BAO	4111XXXX1110	264,368
320	LE NGUYEN NU HOAI LE	4111XXXX8308	61,277
321	DOAN ANH TUYET	4286XXXX8105	100,000
322	BUI THI BICH VAN	4286XXXX3105	157,422
323	DINH NGUYEN THI NUONG	4286XXXX4109	67,196
324	TA THI NGOC THANH	4286XXXX5109	100,000
325	MAI HUU DUYEN	4111XXXX3108	63,795
326	NGUYEN THI THOM	4111XXXX8106	100,000
327	NGUYEN NGOC LOI	4286XXXX9107	100,000
328	NGUYEN THI DIEM MY	4286XXXX4106	50,601
329	TRAN KHUONG DAM	4111XXXX7112	354,450
330	MANH THE BAO	4286XXXX6104	66,081
331	LE THI MY HUONG	4111XXXX4107	63,091
332	THAI THI THU THUY	4111XXXX9100	200,000
333	NGUYEN XUAN PHUC	4111XXXX0103	56,766
334	VU VAN MANH	4111XXXX7107	52,561
335	TRAN THI HONG MONG	4286XXXX5103	186,032
336	LE THI NGOC HUYEN	4111XXXX5105	100,000
337	LE THI LUYEN	4286XXXX9107	145,977
338	CAO DANG NGUYEN	4111XXXX2101	50,917
339	LE THI BE HUNG	4286XXXX7102	88,315
340	PHAN THI BICH NGA	4286XXXX2101	64,166
341	HOANG XUAN HUNG	4111XXXX1109	56,529

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
342	TO THI BICH LIEN	4111XXXX9100	90,407
343	NGUYEN THI HUYEN	4286XXXX2118	52,890
344	NGUYEN THI TUYETNHUNG	4286XXXX7108	113,510
345	LAI XUAN DAT	4286XXXX8102	84,257
346	NGUYEN HOA PHAP	4111XXXX2105	91,695
347	TU TAN DAT	4111XXXX9107	61,865
348	LE THI TUYET HOA	4111XXXX2100	56,125
349	PHAN VAN DIEN	4286XXXX7107	108,462
350	NGUYEN THI MY HANH	4286XXXX7100	61,765
351	NGUYEN THANH BINH	4111XXXX1119	73,895
352	PHAM NGOC HANG	4111XXXX4101	100,000
353	TRAN THI THU VAN	4286XXXX8103	54,866
354	NGUYEN THI THU VI	4286XXXX0103	91,554
355	PHAN XUAN TIEN	4111XXXX2115	100,000
356	KHUONG LAM MINH TUAN	4286XXXX4108	165,336
357	LA THI THU HUYEN	4111XXXX6107	52,270
358	HOANG DUC LONG	4111XXXX9103	78,135
359	PHAN THI THUY VIEN	4111XXXX5102	94,340
360	DO QUOC CUONG	4286XXXX1202	406,422
361	PHAM THI TRAM	4111XXXX7106	61,843
362	DUONG THI THU NGA	4111XXXX9124	52,126
363	HUYNH NGOC LAM	4111XXXX4109	69,582
364	VO THI DIEU HUONG	4286XXXX0105	154,828
365	TRAN NGOC THU	4286XXXX1108	72,028
366	NGUYEN T HUONG GIANG	4286XXXX0106	70,060
367	TRAN THI BICH NHU	4286XXXX0103	155,640
368	TANG PHUONG TUYET	4111XXXX5100	80,189
369	VU THI NHU HOA	4111XXXX2100	150,365
370	NGUYEN THI NHAT HANG	4111XXXX3103	58,271
371	PHAM THUC THUY	4111XXXX1110	57,085
372	PHAN TAN CANH	4111XXXX2107	100,000
373	PHAN THI THUAN	4286XXXX9101	52,042
374	NGUYEN THI HONG VY	4111XXXX9104	164,839
375	LE THI KIM DUNG	4111XXXX3103	78,340
376	TRAN THI LIEN	4286XXXX7108	52,404
377	VU MINH DUC	4286XXXX3107	53,320
378	TRINH LAN ANH	4286XXXX1102	100,000
379	NGUYEN THI THUC ANH	4286XXXX5119	291,398
380	LE THI THU LAN	4286XXXX2109	54,761
381	LE NGUYEN TRI THAO	4111XXXX7100	70,733
382	NGUYEN THI XUAN MAI	4286XXXX0116	55,907
383	NGUYEN THI KIEU ANH	4286XXXX5108	161,793
384	LU THAI HOA	4111XXXX3111	220,345

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
385	PHAM DUC THUAN	4111XXXX6104	79,142
386	NGUYEN THI THU TRAM	4286XXXX4103	74,413
387	LUONG THI THANH	4111XXXX1107	100,000
388	LE THI NGOC TRINH	4111XXXX4101	71,865
389	LE THI DUY HANH	4286XXXX4105	100,000
390	PHAN THI THUY	4111XXXX8108	50,737
391	DANG THI HUONG GIANG	4111XXXX0105	165,980
392	DANG QUYEN XUAN THANH	5305XXXX6109	169,591
393	NGHIEM HA MINH KHOA	4111XXXX7101	100,000
394	HOANG VAN THU	4111XXXX8102	100,000
395	LY THI KIM NGOC	4286XXXX0109	56,700
396	HO THANH VIET	4286XXXX5106	54,260
397	LE TRAN MY HANH	4286XXXX7106	59,440
398	NGUYENTHIMINHPHUONG	4271XXXX3104	172,151
399	NGUYEN ANH TUAN	4286XXXX6103	100,000
400	NGUYEN THI THANH MAI	4111XXXX7108	59,944
401	NGUYEN VAN HIEU	4111XXXX0117	54,388
402	NGUYEN THI MINH THAT	4286XXXX0103	63,185
403	LUU VINH LOI	4111XXXX6103	51,580
404	VU THI KIM QUI	4111XXXX8101	260,841
405	HO HOAN KIEM	4111XXXX3117	300,000
406	VAN CONG BINH	4286XXXX0102	53,175
407	HOANG MINH DUC	4111XXXX7129	92,054
408	LE THI THANH THUY	4286XXXX5108	97,204
409	TRUONG THI KIM LUONG	4286XXXX3106	102,977
410	HOANG ANH TRA	4286XXXX2104	116,106
411	HOANG THI XUAN LOC	4286XXXX8102	52,526
412	PHAM THI GIANG	4111XXXX9113	70,555
413	NGUYEN THI VAN	4111XXXX6105	140,670
414	PHAM VAN THIET	4111XXXX4101	284,849
415	LE THI THANH MY	4111XXXX9100	100,000
416	VAN TUAN BAO	4286XXXX6100	61,380
417	TRAN NGOC NHU	4286XXXX9108	100,000
418	TRAN THAN VINH	4111XXXX9104	60,456
419	NGUYEN NGOC DUNG	5151XXXX1104	95,290
420	NGUYEN THI HUE	4111XXXX7107	52,845
421	NGUYENTHIPHUONGTHUY	4286XXXX6107	100,000
422	NGUYEN THI KIM DUYEN	4286XXXX3107	100,000
423	NGUYEN THI HUE	4111XXXX6103	115,115
424	PHAN CHI VAN	4286XXXX4112	100,000
425	VO HO THU THUY	4111XXXX2406	120,405
426	NGUYEN THI HUONG LAN	4286XXXX9116	60,563
427	NGUYEN THI AI HOA	4111XXXX2105	58,590

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
428	NGUYEN THI NGOC THACH	4111XXXX4106	57,009
429	TRAN NGOC THUY	4286XXXX6101	65,463
430	TRUONG THI HIEN	4111XXXX1113	65,552
431	NGUYEN TRAN HOANG SON	4286XXXX6102	55,111
432	NGHIEM DIEU LINH	5151XXXX8112	60,765
433	TRAN THI HA	4111XXXX0109	84,629
434	NGUYEN THI BICH VI	4286XXXX7119	72,385
435	NGUYEN THI SA	4286XXXX4109	400,000
436	DO THI HONG MINH	4111XXXX0106	136,035
437	NGUYEN MY HANH	5305XXXX4109	150,199
438	PHAM THI MAI	4271XXXX2206	144,520
439	PHAM DUC HUNG	4111XXXX9104	59,671
440	LE ANH TUAN	4286XXXX5104	54,690
441	TRAN THI THAM	4111XXXX4107	58,210
442	LE THI CAM HONG	4111XXXX0106	97,140
443	VO THI HAO	4286XXXX2103	59,520
444	LE THI PHUONG THAO	4286XXXX5106	65,844
445	HUYNH THI HOA	4286XXXX6106	75,571
446	NGO TUYET HANH	4286XXXX2103	75,935
447	TRAN THI TUYET TRINH	4111XXXX1109	54,007
448	TRAN THI KIEU OANH	4111XXXX9104	51,790
449	DOAN THE LINH	4271XXXX8109	109,537
450	NGUYEN THI THANH LOAN	4286XXXX5108	55,502
451	NGUYEN THI HUU TINH	4286XXXX3106	87,025
452	NGUYEN THI NHIEN	4286XXXX1103	100,000
453	BUI THI THUY HIEN	4286XXXX2106	97,088
454	TRUONG THIET THU	4111XXXX8103	100,000
455	DINH THI KIM LOAN	4111XXXX3101	73,719
456	BUI LE HANH NGUYEN	4286XXXX5113	114,998
457	DO THI QUYNH ANH	4111XXXX3107	66,826
458	PHAN THI THU HIEN	4111XXXX3101	56,994
459	NGUYEN THI THU TRANG	4271XXXX5100	174,170
460	NGUYEN THI NGOC LAN	4286XXXX9103	60,307
461	LE THI THANH TRUC	5305XXXX7100	103,544
462	NGUYEN THI DIEU THAO	4286XXXX8100	148,554
463	NGUYEN NGOC QUYNH	4286XXXX2138	59,399
464	PHAN THANH HUY	4286XXXX1102	67,258
465	TRUONG THI THUY TIEN	4286XXXX4103	63,737
466	LE THI THU HUONG	4111XXXX4100	52,515
467	TRAN NGUYEN DIEM NGOC	4286XXXX7100	52,455
468	DINH HOANG DIEP	4111XXXX3111	51,495
469	MAI THI HOANG VAN	4286XXXX4103	60,165
470	NGUYEN THI NGOC HA	4286XXXX0104	54,398

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
471	NGUYEN NGOC HUE	4111XXXX0106	100,000
472	DUONG DUNG NHAN	4111XXXX6107	64,686
473	CA BICH HOANG	4286XXXX5103	50,742
474	TRAN LE PHUONG	4286XXXX3102	61,870
475	PHAN QUOC THAI	4271XXXX6103	102,950
476	TRAN THI THAO	4111XXXX1103	57,567
477	NGUYEN VAN ANH	4286XXXX2101	61,055
478	CHAU TRAN NGOC NU	4111XXXX4105	100,000
479	LA THI KHANH PHUONG	4286XXXX5100	52,579
480	LE THI HIEN	4286XXXX1107	257,833
481	PHAN NGUYEN D PHUONG	4286XXXX8103	52,265
482	TRAN THI MY TRAN	4286XXXX7104	63,567
483	NGUYEN NGOC LAM THAO	4111XXXX4108	83,650
484	DIEP QUOC DUNG	4286XXXX1108	211,320
485	PHAM THI NHI	4286XXXX7109	195,455
486	NGUYEN THI HOA	4111XXXX3100	100,000
487	NGUYEN THI KIM OANH	4111XXXX4102	59,220
488	UNG THI HOAI YEN	4111XXXX6100	54,262
489	HAN XIAOJUN	4271XXXX8206	200,000
490	NGUYEN THI BICH THI	4111XXXX4106	104,052
491	PHAM THANH TRA	4111XXXX8103	129,280
492	LY THANH	4111XXXX0102	55,627
493	LY DAM MAI LINH	4111XXXX2118	54,390
494	TRUONG TRUONG THO	4286XXXX1101	63,890
495	NGUYEN BAO TRUNG	4111XXXX9108	53,145
496	PHAM THI THUY TRANG	4111XXXX6100	54,189
497	LIEU THANH THUY	4286XXXX1109	87,965
498	NGUYEN HANH NGAN	4286XXXX8100	61,703
499	HA THI THANH HUYEN	4111XXXX5109	78,734
500	NGUYEN HOAI THANH	4286XXXX9107	276,681
501	LE THI LIEN	4286XXXX1108	100,000
502	VI THI THU LE	4286XXXX1104	50,305
503	DANG VINH HIEN	4286XXXX0116	139,648
504	LE THI NHA TRUC	4111XXXX0100	194,825
505	DUONG THI HONG HUYEN	4111XXXX9107	100,000
506	LE KIM THU	4271XXXX5101	200,000
507	DO PHUONG DUNG	4111XXXX7106	73,193
508	NGUYEN THI TUONG VI	4286XXXX1102	153,801
509	BUI PHI HUNG	4111XXXX4114	100,000
510	VO NGUYEN THUY	4111XXXX7108	65,963
511	LE MAI BAO KIM	4111XXXX9108	55,281
512	NGUYEN HONG PHUC	4286XXXX3100	69,030
513	VO THI ANH TUYET	4286XXXX3107	60,746

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
514	TRAN THI MY DIEP	4111XXXX5106	68,359
515	NGUYEN THI KIM CUC	4286XXXX7105	83,845
516	NGUYEN THI THIEN KIM	4286XXXX8103	68,424
517	VO THI MY HANH	4286XXXX5108	52,700
518	LE THI HONG HANH	4286XXXX2101	100,000
519	TRAN NGUYEN THAO LY	4286XXXX6107	200,000
520	PHAM THI YEN PHI	4286XXXX1106	59,625
521	PHAM THANH TRUC	5305XXXX4106	107,577
522	DO QUOC ANH	5151XXXX6119	58,696
523	PHAN HOANG NHUT	4286XXXX5104	51,990
524	PHAM DUY QUAN	4286XXXX1101	90,390
525	MAI THI BE	4111XXXX1105	196,951
526	BUI THI DIEM THUY	4286XXXX5100	51,825
527	LAM DIEU THI	4286XXXX2103	97,039
528	TRAN BICH HOAI THOA	4111XXXX7107	184,173
529	DANG THI NGOC THUY	4111XXXX4107	73,121
530	NGUYEN THIHONG CHUYEN	4111XXXX0106	51,815
531	NGUYEN VAN THANH	5305XXXX4108	200,000
532	VO THI NGOC TUYET	5305XXXX6107	200,000
533	DUONG ANH TUAN	4111XXXX7106	60,500
534	NGUYEN HUY TAI	4111XXXX1101	74,467
535	NGUYEN THUONG THAI	4111XXXX5103	50,190
536	NGUYEN THI NGOC THINH	4111XXXX2109	52,120
537	PHAM MINH DUONG	4111XXXX3110	61,593
538	NGUYEN THI NGOC VAN	4286XXXX4100	52,386
539	NGUYEN THANH HA	4111XXXX4105	51,125
540	TRA NGUYEN TUONG VY	4111XXXX7105	73,981
541	NGUYEN THI THUY DUONG	4286XXXX6102	57,593
542	LE THI MY HANG	4111XXXX9103	91,283
543	VO THI HONG TRAM	4111XXXX7108	51,100
544	NGUYEN THAI SON	4286XXXX3109	133,870
545	DIEP THI THU HA	4286XXXX8105	70,409
546	NGUYEN LUU DIEN TUONG	4286XXXX7103	80,019
547	TRAN NGUYET HUONG	4111XXXX7109	200,000
548	VO THI NGOC DIEM	4286XXXX3109	65,615
549	PHAM THI THU HA	4286XXXX4100	59,115
550	HOANG NGUYEN HOAI NAM	4286XXXX3109	71,258
551	VO THI THUY NGHI	4286XXXX4109	86,403
552	NGUYEN THI DIEM	4286XXXX2102	54,867
553	TRUONG THI XUAN VY	4286XXXX6105	78,415
554	TRAN THANH HUY	4111XXXX3101	67,255
555	PHAM TRIEU DUNG	4111XXXX0108	55,118
556	LUU VAN KHANH	4286XXXX2104	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
557	NGUYEN THI HA THU	4286XXXX7108	54,951
558	LE QUANG UYEN PHUONG	4271XXXX6116	177,895
559	TRUONG THI THANH THUY	4286XXXX6105	60,030
560	LE HONG QUAN	4286XXXX9105	52,579
561	DAU THANH QUYEN	4271XXXX1104	200,000
562	NGUYEN TRUONG THUY	4286XXXX9104	98,638
563	HOANG THI HAI YEN	4286XXXX6109	91,179
564	BUI THI HOAI	4111XXXX5103	73,838
565	NGUYEN BICH VAN	4286XXXX6102	90,665
566	DOAN THI HANG	4286XXXX0103	74,800
567	TRAN THI THU HIEN	4286XXXX9109	88,540
568	DAO NGOC BICH	4286XXXX5104	68,735
569	TRAN DINH HUNG	4111XXXX6109	132,533
570	NGUYEN THI NGOC HUONG	5305XXXX1100	200,000
571	LE THI VAN HONG	4286XXXX4106	200,000
572	NGUYEN THANH PHONG	4111XXXX4108	152,184
573	NGUYEN THI THANH TAM	4286XXXX8105	241,509
574	LAM THI THAO	4111XXXX3108	67,153
575	HO THI THU THUY	4111XXXX6105	55,958
576	NGO TUAN KHAI	4286XXXX0109	57,225
577	PHAM NG BINH DUONG	4286XXXX1101	51,415
578	WU HSIEN WEN	4111XXXX2108	100,000
579	NGUYEN CHI HOC	4286XXXX7104	75,000
580	VO THI NGUYET ANH	4111XXXX3102	65,670
581	LE NGUYEN HANH NHI	4111XXXX1102	182,821
582	PHAM CONG NGOC THUY	4286XXXX0101	266,995
583	NGUYEN THI THU HUONG	4286XXXX4103	220,534
584	PHAM THANH SANG	4111XXXX6103	58,200
585	TRINH THU OANH	4271XXXX6109	361,280
586	NGO KIM THANG	4286XXXX1105	82,150
587	TRAN XUAN BINH	4111XXXX8108	139,497
588	PHAM HUY THONG	4111XXXX2108	52,300
589	TA DUY NGOC	4111XXXX7104	100,000
590	THAI HUONG THO	4271XXXX8113	157,484
591	NGUYEN THI VAN YEN	4111XXXX9100	68,058
592	NGUYEN THI PHUONG	4286XXXX7104	50,000
593	NGUYEN NGOC ANH	4271XXXX6127	200,000
594	VU THI NGOC QUYNH	4111XXXX6114	131,535
595	TRAN THI HIEU	4286XXXX9119	51,420
596	NGUYEN THI LAN	4111XXXX0107	79,336
597	PHAN QUANG TIEN	4286XXXX5104	127,451
598	NGUYEN MINH HONG	4286XXXX2103	80,490
599	NGUYENTHIDINH PHUONG	4286XXXX6107	50,062

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
600	DINH NGUYEN ANH VU	4286XXXX0116	52,110
601	DANG THI MY TIEN	4111XXXX2112	59,350
602	HOANG DUY THANG	4286XXXX1103	64,271
603	NGUYENTHITUYETNHUNG	4286XXXX4102	62,100
604	HO YEN LY	4286XXXX7100	55,524
605	HUYNH PHU HAI	4286XXXX9106	165,717
606	TRAN THANH TUAN	4111XXXX3103	57,863
607	PHAN THANH HAI	4286XXXX9101	107,625
608	NGUYENTHITHANHTRUYEN	4286XXXX5107	72,912
609	NGUYEN QUANG PHUC	4286XXXX8110	64,600
610	HA PHUONG THAO	4286XXXX4103	100,000
611	LAI VAN BE CHIN	4111XXXX6106	65,325
612	PHAM ANH TUAN	4111XXXX8105	58,260
613	LAM MINH DUONG	4111XXXX2101	73,106
614	NGUYEN THI ANH PHUONG	4111XXXX1104	68,889
615	NGUYEN HOAI NAM	4286XXXX8104	100,000
616	TRAN PHAN AI SA	4111XXXX5110	69,485
617	DUONG THI BACH TUYET	4286XXXX1105	184,950
618	DAO THI THU HUONG	4111XXXX1100	107,607
619	DUONG THI NGOC LINH	4286XXXX8104	129,940
620	LE THI BE LAM	4271XXXX7108	200,000
621	LE THI KIM UYEN	4286XXXX1117	100,000
622	NGUYENCONGDUYNGUYEN	4111XXXX6107	84,355
623	HUYNH THI HANG	4286XXXX3101	67,225
624	DANG KHANH TOAN	4286XXXX9104	53,369
625	LE HONG THINH	4286XXXX8101	82,684
626	TRAN THI BINH	4286XXXX7103	50,426
627	LE QUOC DUY	4111XXXX1107	87,535
628	NGUYEN TRONG RUYEN	4286XXXX0100	72,575
629	NGUYEN HOANG TRUNG	4286XXXX8100	100,000
630	NGUYEN T PHUONG QUYNH	4286XXXX6105	54,295
631	TRAN THI HOANG ANH	4111XXXX1112	55,028
632	NGUYEN THI GIANG	4271XXXX2100	109,597
633	DINH THI BICH THAO	4111XXXX2103	73,697
634	HO THI THAO	4111XXXX6109	84,913
635	NGUYEN THI PHI ANH	4286XXXX3101	76,372
636	NGUYEN THI VIET	5305XXXX2106	284,280
637	LE THI KIM OANH	4286XXXX9109	69,025
638	PHAM THI THU HIEN	4286XXXX4101	126,315
639	TA THI THU HANH	4286XXXX6101	99,176
640	TRAN KIM YEN	4286XXXX1107	51,067
641	LUONG THI DIEU MY	4286XXXX3109	50,629
642	TA QUOC BAO	4111XXXX9101	96,515

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
643	NGUYEN MINH PHUONG	4286XXXX2109	93,336
644	PHAM THI THU HIEN	4111XXXX5206	89,840
645	NGUYEN DANG TRI	4111XXXX3107	79,910
646	NGUYEN THI KIM ANH	4286XXXX0307	50,281
647	LE NGOC MINH THU	4111XXXX9107	51,666
648	NGO THI THUY DUONG	4286XXXX2100	172,450
649	LE KIEN HUNG	4271XXXX4103	148,800
650	NGUYEN THI KIM PHUNG	4111XXXX8112	79,464
651	LE THANH HAU	4286XXXX9103	77,870
652	LUU GIA LINH	4286XXXX3100	73,855
653	DAO THI TUOI	4111XXXX2101	100,000
654	LE THI HUYEN	4286XXXX2102	157,107
655	LE HANG THUY	4111XXXX0104	91,467
656	NGUYEN LE HOAI LINH	4286XXXX8100	100,000
657	BUI THU MAI	4286XXXX3100	60,037
658	TRINH VAN PHUOC	4286XXXX9101	55,260
659	DUONG THI ANH VAN	4286XXXX0106	96,720
660	NGUYEN THANH CHUNG	4111XXXX4101	79,510
661	VO THI BICH	4111XXXX4106	159,000
662	LE VAN MINH	4111XXXX7207	98,010
663	PHAM KIM ANH	4271XXXX8117	117,830
664	BUI THI HIEU	4286XXXX1113	66,544
665	HO HUU HUY	4111XXXX9102	50,463
666	VU MINH NHAT	4286XXXX7110	62,530
667	TRAN THI LE THUY	4111XXXX4105	94,625
668	LE THUY DUONG	4286XXXX6104	89,435
669	LE VAN LIN	4286XXXX4107	52,716
670	PHAM DIEU CHI	4111XXXX3104	68,423
671	TRAN BA HIEN	4111XXXX3108	56,790
672	DO MANH SON	4271XXXX5101	378,104
673	NGUYEN XUAN THINH	4286XXXX9107	100,000
674	DO ANH DUC	4111XXXX3109	72,776
675	HO THI THANH MINH	4111XXXX2102	50,000
676	MAI HONG	4111XXXX2102	70,735
677	DUONG THI BICH HANH	4286XXXX1102	70,073
678	BUI THANH TUAN	4111XXXX5108	50,450
679	TRUONG THI HUONG	4271XXXX7302	200,000
680	TRAN LONG	4286XXXX1105	90,048
681	TRAN THI NGUYET	4111XXXX1109	59,714
682	ONG THAN THUY TRAM	4111XXXX8106	72,866
683	PHAN DANG TRIEU	5305XXXX9101	150,000
684	NGUYEN THI THANH THUY	4111XXXX8100	126,593
685	BUI THI THU HOAI	4111XXXX4109	74,083

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
686	VO THI MY XUAN	4111XXXX7103	99,878
687	NGUYEN THANH TUYEN	4271XXXX8105	369,430
688	NGUYEN DUC HOA	4111XXXX1105	100,000
689	NGUYEN THANH SON	4111XXXX8100	60,200
690	PHAM THI UT NHUT	4111XXXX1106	51,320
691	LE THI ANH NGOC	4111XXXX7107	181,523
692	VU THUY TRANG	4111XXXX4109	62,785
693	HOANG XUAN NAM	5305XXXX8116	106,072
694	NGUYEN KIM CHI	4286XXXX6104	106,925
695	NGUYEN THI THU	4111XXXX0107	50,000
696	MAI THI MY LE	4286XXXX0101	56,326
697	DANG THE PHONG	4111XXXX5104	60,039
698	MAI HUYNH MY TIEN	4286XXXX7105	203,040
699	NGUYEN THI THUY OANH	4286XXXX5108	51,469
700	LE QUI QUOC KHANH	4111XXXX9109	54,918
701	PHAM THI HOANG TRUC	4111XXXX9105	99,964
702	NGUYEN THI TUYET MINH	4111XXXX5101	70,135
703	TRAN THUY LINH	4111XXXX6109	76,539
704	HO XUAN DINH	4111XXXX4101	53,485
705	NGO MY KIM	4111XXXX9105	97,611
706	TRANG ANH DUNG	4286XXXX9100	76,344
707	HONG THI THUY TRANG	4286XXXX5116	185,585
708	NGUYEN VAN TUAN	4286XXXX1101	75,034
709	TRAN THI MY NUONG	4286XXXX9100	213,294
710	LE THI HONG	4111XXXX3107	81,160
711	LE THI THANH THUY	4286XXXX0104	74,299
712	HO THANH BAU	4286XXXX8108	100,000
713	TRINH THI HA	4286XXXX3103	69,920
714	TRAN HAI AN	4286XXXX3104	100,000
715	TRAN THI KIM ANH	4286XXXX5104	53,930
716	NGUYEN T HOAI PHUONG	4286XXXX5109	67,845
717	NGUYEN THI THU TRANG	4111XXXX3101	58,765
718	HUYNH THI THU HUONG	4286XXXX8119	61,916
719	NGUYEN THANH	4111XXXX7106	265,620
720	NGUYEN THI HOANG DIEP	4286XXXX5109	100,000
721	NGUYEN THI VIET AI	4111XXXX6100	54,152
722	NGUYEN THANH HOA	4111XXXX9109	91,720
723	TRANG THI KIM NGAN	4286XXXX3102	100,000
724	LAI THI THU HUONG	4286XXXX6108	64,195
725	VO THI MY	4286XXXX0109	67,761
726	NGUYEN THI KIM PHUONG	4286XXXX0103	61,710
727	QUACH KIM NGOC	4111XXXX1100	89,565
728	PHAN DANG LAM HAI	4286XXXX6100	54,776

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
729	HUYNH THI NGAN KHANH	4286XXXX0106	100,000
730	PHAM NGOC NU	4111XXXX5106	54,515
731	NGUYEN KIM NHUNG	4286XXXX2108	52,070
732	TRAN BAO NGOC	4111XXXX5107	62,599
733	TRAN NGOC D HA GIANG	4286XXXX9100	63,322
734	NGUYEN THI BICH THAO	4111XXXX3100	57,676
735	LE THI THUY	4271XXXX6102	280,560
736	LUONG MY HONG	4111XXXX1105	79,430
737	NGUYEN XUAN DIEU	4286XXXX2104	57,725
738	LE QUOC VIET	4286XXXX4101	61,561
739	DINH THI TRA MY	4286XXXX2102	72,800
740	NGUYEN DO NGOC BAO	4271XXXX1216	131,239
741	NGUYEN CONG BINH	4111XXXX9106	100,000
742	LE VIET CUONG	4286XXXX1109	200,000
743	TRAN HUU LONG	4111XXXX4104	73,870
744	BACH THI THU	4111XXXX4139	89,566
745	TRAN VAN HOC	4111XXXX9104	84,825
746	LUU HAI LY	4286XXXX2109	500,000
747	BUI VAN DUNG	4111XXXX8103	63,884
748	NGUYEN THI TRIEU	4271XXXX6108	200,000
749	NGUYEN THI MY DUNG	4111XXXX3108	100,000
750	TRAN HAI YEN	4271XXXX5100	200,000
751	VO THI NGOC HANH	4111XXXX6104	54,851
752	LE THI HONG THUY	4111XXXX7109	52,888
753	PHAM THI NGOC PHUONG	4286XXXX6104	101,500
754	BUI THI PHUONG TRANG	5305XXXX7108	458,719
755	NGUYEN CHON CAM	4111XXXX2101	58,019
756	TRINH THI MY HANH	4111XXXX3118	56,330
757	NGUYEN HUU TOAN	4286XXXX1100	52,920
758	TRAN THI THU THAO	4111XXXX6107	57,285
759	TRUONG NGOC ANH THY	4286XXXX9103	55,391
760	VO THI LOAN	4286XXXX6113	204,738
761	NGUYEN THI TO UYEN	5151XXXX6117	64,532
762	NGUYEN THI DUYEN	4111XXXX9103	100,000
763	NGUYEN ANH QUAN	4111XXXX1106	57,145
764	TRINH THI MY HUONG	4111XXXX5106	200,333
765	TRAN THI HUYEN TRANG	4111XXXX3102	52,396
766	NGUYEN VAN QUI	4111XXXX7116	100,000
767	HUYNH THANH TAM	4286XXXX7100	163,506
768	NGUYEN THI THAO	5305XXXX8105	200,000
769	NGUYEN THI THUY HIEN	4111XXXX9101	60,060
770	DO THI NHU NGUYEN	4286XXXX7102	151,858
771	CHEN WAN YU	4111XXXX2107	63,645

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
772	NGUYEN BINH PHUONG	4111XXXX4103	500,000
773	POBLETE PHAM ARTUROJR	4111XXXX0100	79,162
774	NGUYEN DUY PHUONG	4286XXXX4104	56,015
775	THAI NGOC VU AN	4286XXXX4106	50,035
776	HOANG DUC TAM	4286XXXX2103	100,000
777	NGUYENMINHXUANTRUONG	4271XXXX0104	136,910
778	VO VAN TIN	4286XXXX7200	51,472
779	NGUYEN THI KIEU DIEM	4111XXXX0100	100,000
780	TRAN NGOC TRAN TRONG	4111XXXX1101	51,745
781	NGUYEN THI TUYET MAI	4111XXXX7102	300,000
782	DUONG THI THUY	4111XXXX7100	56,955
783	NGUYEN THUY PHUONG	4111XXXX0101	53,956
784	HOANG THI THANH HIEN	4111XXXX9100	131,826
785	DOAN MI LOI	4111XXXX0109	50,767
786	NGUYEN THI CAM TU	4111XXXX8103	60,200
787	HUYNH THI THANH DIEU	5305XXXX5202	121,591
788	TRAN THI THU THAO	4286XXXX2100	100,000
789	NGUYEN BAO ANH	4286XXXX4108	100,000
790	HONG THI NHU Y	4111XXXX3109	96,895
791	LE TUAN DUNG	4286XXXX3106	100,000
792	NGUYEN DO NGOC PHU	4111XXXX1109	500,000
793	VU THI HUE	4286XXXX7109	100,000
794	NGO THUY NGAN	4111XXXX1206	66,765
795	TRAN THI THANH TUYEN	4111XXXX4109	82,270
796	DUONG THI KIM THU	4271XXXX3107	186,410
797	LE NHUT TAM	4111XXXX1105	67,490
798	LE THI HONG THAM	4286XXXX9106	61,220
799	NGUYEN THI NGOC MAI	4286XXXX2103	59,485
800	LE MINH THUAN	4271XXXX3102	200,000
801	LAM DAO QUANG	5305XXXX0102	372,742
802	LE THI MAI ANH	4111XXXX4100	93,896
803	NGUYEN THAI HOA	4271XXXX0102	148,256
804	HOANG CONG HAI	4111XXXX8104	56,131
805	DOAN THI KIM CHUNG	4111XXXX9102	60,170
806	HOANG THI QUY	4111XXXX1102	67,565
807	TRAN XUAN HUNG	4286XXXX9107	125,490
808	NGUYEN LAM GIANG	4111XXXX3103	77,782
809	PHAN THI THU HA	4111XXXX5103	50,040
810	TRAN THI KIM HOANH	4286XXXX9108	500,000
811	LE BA GOM	4286XXXX3103	59,742
812	NGUYENTHI THANH HUONG	4286XXXX6107	74,543
813	TRUONG THI NGOC MAI	4286XXXX1118	100,000
814	DUONG THI KIM CUONG	4286XXXX6101	128,438

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
815	NGUYEN THI THANH TRUC	4111XXXX8104	100,000